

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ W-GO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ W-GO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: W-GO TECHNOLOGY CORPORATION

Tên công ty viết tắt: W-GO

2. Mã số doanh nghiệp: 0109128431

3. Ngày thành lập: 13/03/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 60, ngõ 132 Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0838916816

Fax:

Email: wgovietnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4511
19.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4512

20.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4513
21.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
22.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4530
23.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4541
24.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4542
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4543
26.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
27.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
28.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
29.	Bán buôn thực phẩm	4632
30.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
31.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
32.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
33.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)	4669
34.	Bán buôn tổng hợp	4690
35.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
36.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thiết bị điện tử, điện thoại di động, thiết bị viễn thông khác, bán lẻ thẻ cào nạp tiền vào thiết kế điện thoại di động	4741
37.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
38.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
39.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4774

40.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá, trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)	4791
41.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ, bán lẻ hàng hoá trên các chuyến xe, bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng) (Không bao gồm hoạt động đấu giá, trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)	4799
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
43.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá bằng đường bộ với hình thức khác chưa được phân loại vào đâu (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
46.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: giao nhận hàng hóa, thu phát các chứng từ vận tải, dịch vụ thu hộ, chi hộ tiền hàng (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).	5229
47.	Chuyển phát Chi tiết: Chuyển phát liên tỉnh, nội tỉnh.	5320
48.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820(Chính)
49.	Lập trình máy vi tính	6201
50.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
51.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
52.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
53.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
54.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)	6399

55.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
56.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
57.	Quảng cáo	7310
58.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
59.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website	7410

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỨC HÒA	Thôn 7, Xã Việt Tiến, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	18,000	031080001810	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	18,000		

2	NGUYỄN ĐỨC QUANG	Tổ 8, Phường Tân Hà, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	320.000	3.200.000.000	16,000	070647915
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	320.000	3.200.000.000	16,000	
3	TRẦN ANH DƯƠNG	Số nhà 114, Tổ 13, Phường Hưng Thành, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	220.000	2.200.000.000	11,000	070873954
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	220.000	2.200.000.000	11,000	
4	NGUYỄN DUY KHÁNH	Tổ 8, Thị trấn Na Hang, Huyện Na Hang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	220.000	2.200.000.000	11,000	070840983
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	220.000	2.200.000.000	11,000	

5	TRẦN ANH TUẤN	Số 3 ngách 4A/2 Đặng Văn Ngữ, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	220.000	2.200.000.000	11,000	0360830001 27
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	220.000	2.200.000.000	11,000	
6	NGUYỄN TRỌNG TÚ	Tổ dân phố Nguyễn Xá 1, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	220.000	2.200.000.000	11,000	B9781947
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	220.000	2.200.000.000	11,000	
7	THÂN TRUNG HÙNG	Thôn 10, Xã Ngọc Quan, Huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	220.000	2.200.000.000	11,000	131573814
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	220.000	2.200.000.000	11,000	

8	DƯƠNG ĐĂNG CẢNH	Thôn Muối, Xã Lan Mẫu, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	220.000	2.200.000.000	11,000	121739990
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	220.000	2.200.000.000	11,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC QUANG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/08/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 070647915

Ngày cấp: 14/06/2013

Nơi cấp: Công an Tỉnh Tuyên Quang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 8, Phường Tân Hà, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 909, Chung cư A10CT1 Nam Trung Yên, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội